

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16/12/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Luật

Bà Vương Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Xuân Y**, sinh năm: 1984.

HKTT: Số 31, phố 6, ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 41, phố 5, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Lý A H**, sinh năm: 1980.

HKTT: Số 31, phố 6, ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Y, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Xuân Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý A H đã tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2008. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 13/10/2008 (quyển số 01/2007 + 2008). Trong thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn không còn

hòa hợp nên chị đã trở về nhà cha mẹ để ở và sống ly thân với anh H từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn phai nhạt, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị xin được ly hôn với anh Lữ A H.

Về con chung: Chị và anh Lữ A H có 02 con chung, trong đó có 01 con chung là Lữ Mỹ L, sinh ngày 04/5/2001 đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Còn lại 01 con chung chưa thành niên là Lữ John T, sinh ngày 05/9/2010 hiện không còn ở với chị nữa và muốn ở với anh H. Vì vậy, chị đồng ý giao con chung chưa thành niên là cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, chị Y đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên họp và hòa giải cũng như xét xử.

- Bị đơn anh Lữ A H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Theo biên bản ghi lời khai ngày 20/01/2021 (tuy anh H không ký tên vào biên bản nhưng khi làm việc có sự chứng kiến của bà Võ Thị Mỹ D là trưởng ấp), lời khai của anh H thể hiện như sau:

Anh H và chị Y tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại xã P năm 2008. Trong thời gian sống chung đã có mâu thuẫn nên hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Y muốn ly hôn thì đề Tòa án giải quyết cho chị Y ly hôn chứ anh H không ký vào biên bản.

Về con chung: Anh H và chị Y có hai con chung là cháu Lữ Mỹ L, sinh ngày 04/5/2001 đã trưởng thành, có khả năng lao động và cháu Lữ John T, sinh ngày 05/9/2010 hiện đang ở với anh H. Tùy theo nguyện vọng của con muốn ở với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tất cả nội dung trên anh H chỉ khai và trình bày cho Tòa án xem xét giải quyết chứ anh H không ký biên bản với lý do: Anh và chị Y đã sống ly thân từ lâu, dù anh không ký thì chị Y cũng tự ly thân, tự ly hôn được.

Phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ

nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Y và anh H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không có, anh H không đến Tòa án làm việc, không đưa ra biện pháp để vợ chồng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y. Đề nghị cho chị Y được ly hôn với anh Lữ A H.

Về con chung: Chị Y và anh Lữ A H có 02 con chung, trong đó có 01 con chung là Lữ Mỹ L, sinh ngày 04/5/2001 đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Lữ John T, sinh ngày 05/9/2010 hiện do anh H chăm sóc và có nguyện vọng ở với anh H. Chị Y đồng ý giao con chung chưa thành niên là cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Vì vậy giao cháu Lữ John T, sinh ngày 05/9/2010 cho anh Lữ A H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên. Đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị Lê Xuân Y.

Chị Y, anh H được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Xuân Y phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Xuân Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lữ A H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lữ A H có đăng ký thường trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Xuân Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị Lê Xuân Y và anh Lý A H đăng ký kết hôn năm 2008 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Lý A H đã tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 13/10/2008 (quyển số 01/2007 + 2008). Như vậy, hôn nhân của chị Y và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Y:

Qua các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng chị Y anh H đã có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, gia đình mất đi hạnh phúc nguyên nhân là do không hòa hợp trong tính tình cách sống và đã sống ly thân từ năm 2014. Căn cứ Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xét thấy chị Y anh H không còn sống chung với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án nhưng có lời khai đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các đương sự được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, cho chị Lê Thị Y được ly hôn với anh Lý A H.

- Về con chung: Chị Lê Thị Y và anh Lý A H có 02 con chung, trong đó có 01 con chung là Lý Mỹ L, sinh ngày 04/5/2001 đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Còn lại 01 con chung chưa thành niên là Lý John T, sinh ngày 05/9/2010 hiện đang ở với anh H. Xét thấy: Điều 92 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: Việc giao con chung cho một bên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con. Cháu T hiện đang được anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, cuộc sống đang ổn định dù vợ chồng đã sống ly thân. Cháu T có nguyện vọng được ở cùng với anh H, chị Y cũng đồng ý giao con chung chưa thành niên là cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Vì vậy, giao con chung chưa thành niên là Lý John T, sinh ngày 05/9/2010 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên. Xét thấy, ý kiến của chị

Y về cấp dưỡng nuôi con không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của chị Y nên ghi nhận.

Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị Y anh H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn và 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[9] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 85, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Xuân Y. Chị Lê Thị Y được ly hôn với anh Lý A H.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Lý John T, sinh ngày 05/9/2010 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Xuân Y cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị Y và anh H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi suất tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn và 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Y đã nộp theo biên lai số 0005641 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Chị Y còn phải nộp 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Xuân Y, bị đơn anh Lý A H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã P;
- Lưu.

Phan Thanh Hà